

Thứ năm, ngày 12 tháng 3 năm 2020

Vietnam Daily Review

Sụt giảm theo diễn biến thế giới

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 12/3/2020	•		
Tuần 9/3-13/3/2020	•		
Tháng 3/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Phản ứng tiêu cực của các thị trường lớn trên thế giới trước động thái hạn chế đi lại giữa Mỹ và Châu Âu của Tổng thống Trump đã ảnh hưởng không nhỏ tới VN-Index. Chỉ số chìm trong sắc đỏ ngay từ đầu phiên sáng và vận động chủ yếu dưới mồi tham chiếu trong toàn bộ thời gian giao dịch. Độ rộng thị trường nghiêng hoàn toàn về bên bán với 344 mã giảm giá; trong nhóm VN30 có đến 9 cổ phiếu giảm sàn. Diễn biến không mấy lạc quan của thị trường trong thời điểm hiện tại được thể hiện qua (1) thanh khoản tăng cao hơn các phiên trước đó, (2) khối ngoại duy trì trạng thái bán ròng mạnh và (3) các HĐTL kì ngắn hạn và quý 2 đều giảm mạnh. Trong bối cảnh WHO tuyên bố SARS-CoV-2 là đại dịch, BSC duy trì quan điểm nhà đầu tư nên giữ trạng thái thận trọng và hạn chế giải ngân trong giai đoạn rủi ro còn hiện diện.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đồng loạt giảm điểm trong phiên hôm nay đồng thuận với trạng thái giảm của chỉ số. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 800 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 12/3/2020, chứng khoán cơ sở đồng loạt giảm giá, trừ MSN đứng giá, kéo theo đó là chứng quyền đa số đều chìm trong sắc đỏ. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ so với phiên hôm trước.

Danh mục i-Invest: Theme_Hàng tiêu dùng -4.1%. 5/21 danh mục Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Hàng tiêu dùng** - có tiềm năng tăng trưởng hấp dẫn và tính phòng thủ cao - hôm nay có mức hiệu suất ngày -4.1%, con số này của VNINDEX là -5.2%.

Phân tích kỹ thuật: TNG_Kiểm tra ngưỡng đáy (Trang 3)

Cập nhật iBroker: AAA, STK, DRC

Điểm nhấn

- VN-Index **-42.1 điểm**, đóng cửa 769.25. HNX-Index **-3.6 điểm**, đóng cửa 101.92.
- Kéo chỉ số tăng: **CAV (+0.06); QCG (+0.05); YEG (+0.04); VCF (+0.02); LDG (+0.02)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-5.63); VIC (-5.12); VHM (-4.28); BID (-3.16); GAS (-2.41)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **4,347 tỷ đồng**, +5.87% so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 15.94 điểm. Thị trường có **53 mã tăng**, 26 mã tham chiếu và **344 mã giảm**.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **438.76 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VIC (86.51 tỷ), HPG (72.49 tỷ) và VJC (57.28 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **12.79 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

769.25

Giá trị: 4347.21 tỷ

-42.1 (-5.19%)

Khối ngoại (ròng): -438.76 tỷ

HNX-INDEX

101.92

Giá trị: 783.65 tỷ

-3.6 (-3.41%)

Khối ngoại (ròng): -12.79 tỷ

UPCOM-INDEX

50.92

Giá trị: 0.48 tỷ

-1.56 (-2.97%)

Khối ngoại(ròng): 13.31 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	31.2	-5.34%
Giá vàng	1,642	0.43%
Tỷ giá USD/VND	23,190	-0.06%
Tỷ giá EUR/VND	26,135	-0.31%
Tỷ giá JPY/VND	22,373	0.85%
LS liên NH 1 tháng	2.9%	12.00%
LS TPCP 5 năm	1.9%	2.88%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	32.0	VIC	86.5
SCS	16.3	HPG	72.5
PHR	14.0	VJC	57.3
PVT	7.1	MSN	48.6
HSG	5.1	VHM	46.6

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

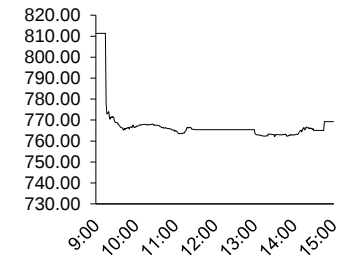
* **5/21 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Hàng tiêu dùng** - có tiềm năng tăng trưởng hấp dẫn và tính phòng thủ cao - hôm nay có mức hiệu suất ngày **-4.1%**, con số này của VNINDEX là **-5.2%**

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:

- **0/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày hôm nay **tốt hơn VNINDEX**
- **0/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày hôm nay **tốt hơn VNINDEX**

Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

BSC RESEARCH
Vietnam Daily Review

12/3/2020

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Hàng tiêu dùng_-4.1%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Hàng tiêu dùng	-4.1%	-13.3%	-14.8%	-20.9%	-25.0%	-23.2%	16.4%	18.2%
FTSE Việt Nam	-4.3%	-10.3%	-14.7%	-19.1%	-19.4%	-21.1%	43.2%	15.3%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-4.7%	-12.0%	-16.5%	-21.5%	-22.2%	-24.0%	32.4%	14.3%
Lãi suất giảm	-4.9%	-14.3%	-18.3%	-17.1%	-19.7%	-24.9%	15.2%	18.1%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-5.0%	-10.9%	-13.5%	-15.3%	-11.9%	-11.7%	19.1%	15.0%
Chiến tranh thương mại	-5.3%	-14.1%	-15.8%	-21.5%	-24.8%	-23.3%	-15.2%	16.2%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-5.4%	-14.8%	-16.7%	-22.0%	-20.9%	-32.5%	7.8%	21.6%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-5.5%	-13.9%	-16.1%	-17.9%	-16.9%	-14.6%	28.3%	16.0%
Vật liệu Xây dựng	-5.6%	-13.7%	-16.8%	-21.0%	-18.3%	-20.4%	-16.0%	19.2%
Top 10 cổ phiếu VN30	-5.6%	-14.5%	-16.7%	-18.5%	-19.6%	-19.3%	19.5%	15.3%
BDS & Khu công nghiệp	-5.9%	-14.3%	-16.9%	-21.4%	-22.2%	-23.0%	12.5%	16.5%
Ngành Dược	-6.1%	-10.5%	-13.7%	-11.6%	-5.4%	-7.3%	24.2%	18.1%
VN FinSelect	-6.1%	-16.3%	-17.1%	-9.9%	-7.1%	-10.6%	16.7%	18.6%
Nước & Năng lượng	-6.1%	-16.3%	-20.1%	-26.3%	-27.5%	-27.3%	9.5%	15.2%
Xây dựng	-6.2%	-14.6%	-16.3%	-21.5%	-29.2%	-37.6%	-23.1%	18.8%
Cổ phiếu hết room ngoại	-6.3%	-16.4%	-17.1%	-16.8%	-16.0%	-9.3%	29.1%	17.9%
VN Diamond	-6.4%	-17.3%	-17.5%	-14.9%	-13.9%	-7.1%	27.9%	17.8%
Ngân hàng	-6.5%	-16.8%	-18.7%	-8.5%	-4.2%	-2.0%	51.4%	22.1%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-6.5%	-17.2%	-18.6%	-9.4%	-5.9%	-9.0%	22.8%	20.1%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-6.6%	-17.7%	-19.2%	-15.9%	-13.5%	-1.4%	57.1%	20.0%
Dầu khí	-7.4%	-22.4%	-26.6%	-34.8%	-36.3%	-38.5%	-23.7%	23.7%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 1	-5.6%	-14.7%	-18.1%	-16.3%	-13.7%	-11.0%	48.0%	17.8%
Danh mục 9	-5.7%	-15.7%	-18.4%	-17.3%	-16.8%	-8.0%	44.8%	17.9%
Danh mục 13	-5.7%	-14.4%	-17.1%	-19.2%	-19.1%	-11.2%	29.8%	15.9%
Danh mục 5	-6.6%	-18.0%	-20.7%	-25.1%	-23.0%	-22.5%	21.4%	19.4%
Danh mục 6	-6.8%	-19.5%	-19.5%	-19.9%	-20.1%	-17.6%	27.7%	20.9%
* Note	0/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX							

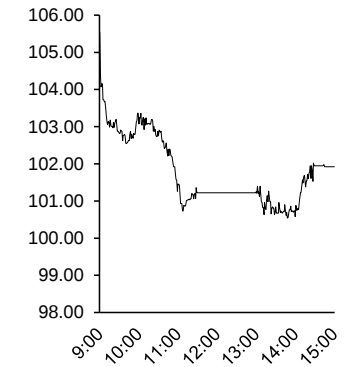
Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 21	-5.3%	-13.0%	-14.7%	-15.7%	-15.5%	-8.2%	29.0%	16.4%
Danh mục 19	-5.4%	-13.3%	-15.2%	-16.9%	-16.4%	-7.6%	27.7%	15.9%
Danh mục 22	-6.1%	-15.1%	-17.8%	-17.5%	-15.6%	-2.0%	37.1%	17.2%
Danh mục 23	-6.5%	-17.5%	-19.3%	-23.3%	-18.9%	-20.1%	17.4%	17.5%
Danh mục 24	-6.7%	-19.0%	-22.3%	-19.8%	-19.0%	-14.4%	24.3%	19.7%
* Note	0/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX							

INDEX								
VNINDEX	-5.2%	-13.9%	-18.0%	-20.2%	-20.7%	-21.9%	8.7%	15.9%
VN30INDEX	-5.1%	-14.3%	-16.7%	-18.3%	-18.6%	-21.5%	10.0%	16.4%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Truyền thông	3.6%
Viễn thông	-0.7%
Thực phẩm và đồ uống	-2.0%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-3.3%
Xây dựng và Vật liệu	-3.9%
Y tế	-4.1%
Hóa chất	-4.1%
Dịch vụ tài chính	-4.8%
Bảo hiểm	-4.9%
Bất động sản	-5.1%
Công nghệ Thông tin	-5.1%
Tài nguyên Cơ bản	-5.2%
Ô tô và phụ tùng	-5.4%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-5.5%
Du lịch và Giải trí	-5.5%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-5.9%
Ngân hàng	-6.3%
Bán lẻ	-6.7%
Dầu khí	-7.3%

Nguồn: FinPro

Phân tích kỹ thuật

TNG_Kiểm tra ngưỡng đáy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD nằm dưới đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: TNG vẫn đang trong giai đoạn kiểm tra lại vùng đáy 12-13. Thanh khoản cổ phiếu cũng đã vượt ngưỡng trung bình 20 phiên, cho thấy động lực tích lũy đang hình thành. Chỉ báo RSI ủng hộ xu hướng hồi phục ngắn hạn trong khi chỉ báo MACD cho thấy xu hướng điều chỉnh. Đường giá cổ phiếu vẫn nằm dưới dải mây Ichimoku, cho thấy động lực tăng giá trung hạn chưa hình thành. TNG nhiều khả năng sẽ vận động tích lũy trong vùng giá 12-15 trong giai đoạn tới.



Nguồn: BSC, PT KT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Cập nhật KQKD

Khách hàng: Decathlon chiếm 40% tổng DT, là người cung cấp nguyên liệu (Anh Đức: Decathlon giao đến cảng Hải Phòng rồi TNG ra nhận, Anh Hoàng – chủ kho Sông Công 2: Decathlon giao đến tận kho).

Vấn đề tồn kho: Tồn kho tăng cao là đặc thù của ngành chung. Các doanh nghiệp may phục vụ theo đơn hàng => tồn kho chắc chắn sẽ xuất được xưởng (Cmt: trong TH khách hàng vẫn hoạt động bình thường. Vẫn còn rủi ro đặt hàng xong ko lấy, lấy hàng xong ko trả tiền -> nợ xấu).

Nhà máy Đồng Hi: chưa có ước tính. Dự kiến 3 năm hòa vốn.

Các dự án bất động sản: (1) Dự án Sơn Cẩm: Tập trung làm trong 2020 (quá trình giải phóng mặt bằng), GPMB xong thì bán cả khu (2) TNG Village: bán được 50%, dự kiến book trong năm nay. (3) Dự án sân Golf: Mới làm thủ tục để trình Thủ tướng. TT chấp thuận thì trình UBND tỉnh -> UBND chấp thuận thì xin giấy phép và triển khai đầu tư.

Rủi ro Đầu tư

Rủi ro về việc tuyển dụng nguồn nhân lực cho nhà máy mới.

Rủi ro về việc các khách hàng EU dịch chuyển đơn hàng sang các nước có chi phí sản xuất thấp hơn.

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: Express TNG 2019Q4

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_Bứt phá

[Link](#)

TAR_Hồi phục từ đáy

[Link](#)

STB_Bứt phá

[Link](#)

KSB_Mô hình hai đáy

[Link](#)

TIG_Bứt phá

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 12/3/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 12/3	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	31.24	-5.28%	-31.94%	-37.24%	-47.38%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	34.03	-4.92%	-31.93%	-37.15%	-48.20%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	104.54	-5.85%	-31.31%	-37.20%	-42.66%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1633.33	-0.11%	-2.33%	4.13%	24.09%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	16.58	-1.06%	-4.92%	-6.06%	7.44%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	862.50	-1.23%	-3.85%	-3.87%	-9.97%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	506.75	-1.17%	-2.31%	-8.11%	1.76%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.27	-0.31%	-0.61%	-5.90%	3.30%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	159.40	-2.98%	-8.39%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.26	-2.62%	-8.98%	-16.54%	-11.48%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	112.05	-2.01%	-5.36%	11.49%	0.27%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	5529.00	-0.66%	-2.73%	-2.44%	-14.58%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3494.00	-0.34%	0.55%	2.83%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1675.00	-1.30%	-2.95%	-1.59%	-12.07%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	658.50	-0.45%	-0.90%	9.53%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	65.05	0.70%	-1.51%	-5.38%	-25.27%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Dầu Brent giảm 3.8% xuống 35.79 USD/thùng, trong khi dầu WTI giảm 4% xuống 32.98 USD/thùng.
- Giá dầu đã giảm giữa bối cảnh Tổ chức Y tế Thế giới công bố dịch virus corona là Đại dịch toàn cầu, và một số 'cường quốc sản xuất dầu' thông báo kế hoạch tăng sản lượng khiến cuộc chiến giá dầu leo thang lên một nấc mới.
- Saudi Arabia và UAE đều lên kế hoạch tăng sản lượng sau khi liên minh OPEC+ kết thúc thỏa thuận. Trong khi đó, cả OPEC và Cơ quan quản lý thông tin năng lượng Mỹ (EIA) đều cắt giảm dự báo nhu cầu dầu thế giới do dịch bệnh diễn biến phức tạp gây tổn thất nghiêm trọng.

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 0.4% xuống 1,642.98 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 4 của Mỹ đóng cửa giảm 0.2% xuống 1,642.3 USD/ounce. Dự báo các biện pháp kích thích kinh tế trên toàn cầu nhằm giảm tác động từ Covid-19 khiến nhà đầu tư chuyển hướng sang mua trái phiếu cũng như các tài sản khác có độ rủi ro cao hơn.
- Giá vàng quay đầu giảm vào lúc đóng cửa phiên vừa qua, sau khi tăng 1,3% lúc đầu phiên giao dịch, do nhà đầu tư bán chốt lời đối với những hợp đồng đã mang lại lợi nhuận giữa bối cảnh thị trường chứng khoán bấp bênh và dịch Covid-19 lây lan toàn cầu.

Giá nông sản

- Đường thô kỳ hạn tháng 5 giảm 0.33 US cent xuống 12.26 US cent/lb do giá dầu thô sụt giảm. Đường trắng kỳ hạn tháng 5 mất 2.6 USD (-0.7%) xuống 359.2 USD/tấn.
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 5 đóng cửa mất 2.3 US cent (1.8%) xuống 1.1205 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 5 giảm 8 USD (-0.5%) xuống 1,271 USD/tấn.

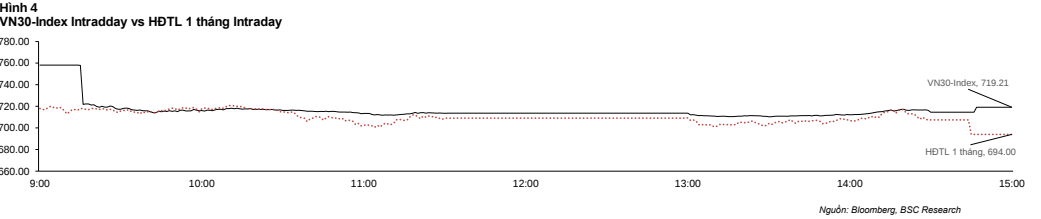
Giá cao su

- Hợp đồng cao su TOCOM kỳ hạn tháng 8 giảm 2.6 JPY (-1.6%) xuống 161.7 JPY (1.60 USD)/kg. Cao su kỳ hạn tháng 5 trên sàn giao dịch Thượng Hải giảm 210 CNY xuống 10,425 CNY (1,540 USD)/tấn. Giá cao su giảm do lo ngại về virus corona gia tăng sau khi các quan chức y tế thế giới tuyên bố đại dịch.

Giá sắt thép

- Quặng sắt trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên kết thúc phiên giữ vững ở 653.50 CNY (94 USD/tấn).
- Giá quặng sắt tại Trung Quốc kết thúc phiên vừa qua không thay đổi mấy so với một ngày trước đó, mặc dù trải qua những giờ biến động mạnh. Giới đầu tư hy vọng nhu cầu sẽ tăng lên sau khi Chính phủ nước này tăng cường các biện pháp kích thích, mặc dù lo ngại dịch bệnh virus corona đang lây lan nhanh trên toàn cầu.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đảo hạn	Số ngày*
VN30F2003	694.00	-6.85%	-25.21	-8.6%	194,113	3/19/2020	7
VN30F2004	698.10	-6.99%	-21.11	48.1%	2,053	4/16/2020	35
VN30F2006	693.00	-6.99%	-26.21	162.3%	522	6/18/2020	98
VN30F2009	695.20	-6.98%	-24.01	22.4%	202	9/17/2020	189

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm 38.95 điểm xuống mức 719.21 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, VPB, VIC, VNM và MWG tác động mạnh đến trạng thái giảm của VN30. Chỉ số VN30 giảm mạnh từ đầu phiên sáng và duy trì trạng thái này đến cuối phiên chiều. VN30 có thể sẽ vẫn chưa có được sự tích cực trong những phiên tới.

- Các HĐTL đồng loạt giảm điểm trong phiên hôm nay đồng thuận với trạng thái giảm của chỉ số. Tất cả các hợp đồng đều tăng về khối lượng giao dịch, trừ VN30F2003. Xét về vị thế mở, VN30F2003 và VN30F2004 tăng, còn VN30F2006 và VN30F2009 giảm. Điều này báo hiệu những diễn biến khó lường của thị trường phái sinh trong thời gian tới. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp canh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 800 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đảo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CFPT2001	HSC	6/22/2020	102	5:1	271,700	108.3%	5.0 triệu	25.81%	1,600	1,350	107.69%	113.20	11.93
CVRE1902	HSC	4/8/2020	27	4:1	63,720	-45.8%	5.0 triệu	27.83%	1,300	40	100.00%	-	
CMWG2002	MBS	4/24/2020	43	10:1	346,000	-13.8%	2.0 triệu	27.93%	1,950	320	6.67%	21.90	14.61
CVNM2001	HSC	6/22/2020	102	10:1	415,610	294.0%	5.0 triệu	22.71%	1,700	450	-8.16%	64.80	6.94
CDPM2001	KIS	6/19/2020	99	2:1	171,100	87.6%	2.0 triệu	31.06%	1,000	250	-10.71%	25.30	9.88
CMSN2001	KIS	12/16/2020	279	5:1	252,540	264.4%	2.0 triệu	29.80%	2,300	1,160	-12.12%	283.60	4.09
CROS2001	KIS	6/19/2020	99	4:1	539,150	-5.4%	10.0 triệu	51.88%	1,500	70	-12.50%	-	
CSTB2001	KIS	6/19/2020	99	1:1	537,890	-6.9%	5.0 triệu	27.50%	1,500	1,020	-16.39%	261.80	3.90
CMBB1903	SSI	4/22/2020	41	1:1	187,170	274.6%	3.0 triệu	25.31%	4,000	480	-17.24%	0.60	800.00
CVNM1903	SSI	4/22/2020	41	1:1	116,190	-9.1%	1.0 triệu	22.71%	26,600	1,310	-18.63%	39.90	32.83
CHPG2002	KIS	12/16/2020	279	2:1	55,000	3667.1%	3.0 triệu	29.10%	1,700	600	-21.05%	69.20	8.67
CFPT1908	MBS	6/17/2020	97	3:1	154,570	-26.6%	2.4 triệu	25.81%	3,150	920	-22.03%	281.90	3.26
CVPB2001	HSC	6/22/2020	102	2:1	324,290	577.9%	5.0 triệu	30.85%	1,500	2,020	-24.63%	1,607.00	1.26
CMBB2001	HSC	6/22/2020	102	3:1	573,850	207.2%	5.0 triệu	25.31%	1,600	390	-27.78%	36.50	10.68
CHPG1909	KIS	5/15/2020	64	2:1	494,320	-20.1%	5.0 triệu	29.10%	1,800	180	-28.00%	12.10	14.88
CHPG2003	MBS	5/4/2020	53	3:1	200,220	-53.9%	6.0 triệu	29.10%	1,570	230	-36.11%	-	
CREE2001	HSC	6/22/2020	102	5:1	151,300	811.4%	5.0 triệu	26.17%	1,100	190	-36.67%	15.10	12.58
CFPT1905	SSI	4/22/2020	41	1:1	107,880	124.3%	1.0 triệu	25.81%	9,900	1,500	-40.00%	133.60	11.23
CTCB2001	HSC	6/22/2020	102	2:1	203,300	222.6%	5.0 triệu	28.00%	1,700	220	-46.34%	35.90	6.13
CHPG1907	SSI	4/22/2020	41	1:1	261,970	278.6%	1.0 triệu	29.10%	4,200	660	-47.77%	219.80	3.00
CTCB1902	VND	6/5/2020	85	1:1	299,750	175.2%	2.0 triệu	28.00%	5,300	630	-58.00%	186.10	3.39
CGMD1901	MBS	4/28/2020	47	3:1	52,660	13.1%	1.2 triệu	25.16%	1,680	20	-66.67%	-	
CMSN1903	MBS	3/17/2020	5	5:1	192,980	370.7%	1.0 triệu	29.80%	1,350	10	-80.00%	0.10	100.00
Tổng:					5,780,180		81.60 triệu	28.37%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đảo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 12/3/2020, chứng khoán cơ sở đồng loạt giảm giá, trừ MSN đứng giá, kéo theo đó là chứng quyền đa số đều chìm trong sắc đỏ. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ so với phiên hôm trước.

- Về giá, CFPT2001 và CVRE1902 tăng mạnh nhất lần lượt là 107.7% và 100%, ở chiều hướng ngược lại, CMSN1903 và CGMD1901 giảm mạnh nhất lần lượt là 80% và 66.7%. Thanh khoản thị trường tăng 4.3%. CMBB2001 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 6.45% thị trường.

- Tất cả chứng quyền đều có giá thị trường cao hơn giá lý thuyết. CVPB2001 và CVPB2002 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CVPB2003 và CVPB2001 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MSN	49.95	0.00	0.00
NVL	52.80	-0.38	-0.09
EIB	16.70	-0.60	-0.14
ROS	5.63	-6.94	-0.15
CTD	56.30	-6.94	-0.20

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
TCB	18.0	-6.99	-4.19
VPB	22.6	-6.82	-3.84
VIC	91.8	-5.36	-3.27
HPG	19.3	-6.33	-2.94
MWG	81.3	-6.98	-2.45

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CFPT2001	64,000	56,000	48,100
CVRE1902	37,700	32,500	24,200
CMWG2002	129,500	110,000	81,300
CVNM2001	137,000	120,000	100,900
CDPM2001	16,567	14,567	11,150
CMSN2001	77,289	65,789	49,950
CROS2001	32,468	26,468	5,630
CSTB2001	12,499	10,999	9,950
CMBB1903	26,000	22,000	16,950
CVNM1903	145,580	118,980	100,900
CHPG2002	33,399	29,999	19,250
CFPT1908	63,450	54,000	48,100
CVPB2001	23,000	20,000	22,550
CMBB2001	24,200	21,000	16,950
CHPG1909	28,280	24,680	19,250
CHPG2003	26,810	22,100	19,250
CREE2001	39,553	34,311	28,000
CFPT1905	64,900	55,000	48,100
CTCB2001	26,400	23,000	17,950
CHPG1907	25,200	21,000	19,250
CTCB1902	26,300	21,000	17,950
CGMD1901	29,682	24,928	16,500
CMSN1903	62,450	55,700	49,950

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	81.3	-7.0%	0.8	1,602	1.9	8,655	9.4	3.0	49.0%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	63.8	-7.0%	1.1	625	1.4	5,361	11.9	3.1	49.0%	28.7%
BVH	Bảo hiểm	42.5	-6.9%	1.3	1,370	0.6	1,632	26.0	1.7	29.3%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	29.8	0.0%	0.7	299	0.1	2,623	11.4	1.0	54.3%	8.8%
VIC	Bất động sản	91.8	-5.4%	0.9	13,500	7.5	2,268	40.5	4.1	14.7%	11.7%
VRE	Bất động sản	24.2	-6.9%	1.1	2,391	3.1	1,253	19.3	2.0	32.8%	10.3%
NVL	Bất động sản	52.8	-0.4%	0.8	2,226	1.0	3,552	14.9	2.3	6.4%	16.6%
REE	Bất động sản	28.0	-6.2%	1.0	377	1.4	5,287	5.3	0.8	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	11.0	-6.8%	1.6	249	1.9	2,850	3.9	0.8	43.3%	20.3%
SSI	Chứng khoán	13.6	-6.6%	1.4	305	2.7	1,787	7.6	0.7	53.5%	9.9%
VCI	Chứng khoán	22.3	-6.9%	1.0	159	0.0	4,218	5.3	0.9	35.2%	18.0%
HCM	Chứng khoán	14.2	-6.9%	1.9	188	1.1	1,421	10.0	1.0	54.8%	11.7%
FPT	Công nghệ	48.1	-5.3%	0.8	1,418	8.4	4,631	10.4	2.3	49.0%	23.7%
FOX	Công nghệ	44.0	-5.2%	0.4	476	0.0	4,812	9.1	2.3	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	59.4	-6.9%	1.5	4,943	2.1	6,096	9.7	2.3	3.6%	25.5%
PLX	Dầu khí	38.1	-7.0%	1.5	1,970	0.8	3,495	10.9	2.0	13.4%	19.6%
PVS	Dầu khí	10.8	-10.0%	1.5	224	3.7	1,529	7.1	0.4	19.2%	6.2%
BSR	Dầu khí	6.8	-4.2%	0.8	917	1.5	1,163	5.8	0.7	41.1%	11.0%
DHG	Dược	84.9	-5.0%	0.4	483	0.2	4,668	18.2	3.3	54.3%	18.8%
DPM	Hóa chất	11.2	-5.5%	0.6	190	1.2	774	14.4	0.5	18.8%	4.7%
DCM	Hóa chất	5.5	-7.0%	0.6	126	0.3	600	9.1	0.5	2.1%	5.2%
VCB	Ngân hàng	71.7	-6.9%	1.2	11,562	4.9	5,004	14.3	3.1	23.8%	25.1%
BID	Ngân hàng	36.7	-7.0%	1.6	6,418	2.4	2,398	15.3	2.0	18.0%	13.5%
CTG	Ngân hàng	21.8	-6.0%	1.4	3,529	10.7	2,541	8.6	1.1	29.6%	13.2%
VPB	Ngân hàng	22.6	-6.8%	1.2	2,390	3.0	3,370	6.7	1.3	23.4%	21.5%
MBB	Ngân hàng	17.0	-6.9%	1.1	1,777	11.6	3,476	4.9	1.0	21.5%	22.1%
ACB	Ngân hàng	22.1	-5.6%	1.2	1,592	10.7	3,686	6.0	1.3	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	36.9	-6.3%	0.9	131	0.7	5,165	7.1	1.2	79.3%	17.2%
NTP	Nhựa	28.0	-0.7%	0.3	120	0.0	4,167	6.7	1.1	18.6%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.9	1.4%	1.0	641	0.1	732	20.4	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	19.3	-6.3%	1.1	2,311	10.9	2,581	7.5	1.1	38.3%	17.0%
HSG	Thép	6.1	-6.9%	1.8	112	2.1	1,161	5.3	0.5	18.0%	8.9%
VNM	Tiêu dùng	100.9	-0.7%	0.8	7,639	10.4	5,478	18.4	6.4	58.7%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	144.6	-4.9%	0.8	4,032	0.2	7,477	19.3	4.9	63.3%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	50.0	0.0%	1.2	2,539	8.4	4,772	10.5	1.4	38.3%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	17.1	-6.8%	0.3	435	1.6	508	33.6	1.4	6.8%	4.4%
ACV	Vận tải	55.6	-4.0%	0.8	5,263	0.5	2,630	21.1	3.9	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	101.0	-5.2%	1.1	2,300	3.5	7,889	12.8	3.5	19.4%	28.7%
HVN	Vận tải	21.0	-6.9%	1.7	1,295	1.1	1,640	12.8	1.6	9.8%	12.8%
GMD	Vận tải	16.5	-6.8%	0.9	213	0.4	1,595	10.3	0.8	49.0%	8.1%
PVT	Vận tải	9.7	-7.0%	0.6	119	1.5	2,421	4.0	0.6	30.6%	16.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	54.0	-10.0%	1.1	376	2.0	8,824	6.1	2.5	2.5%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	17.0	-4.5%	0.6	330	0.8	1,454	11.7	1.2	13.2%	10.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	12.5	-2.3%	0.8	207	0.0	1,953	6.4	0.9	6.5%	14.2%
CTD	Xây dựng	56.3	-6.9%	1.0	187	1.0	8,858	6.4	0.5	46.7%	8.2%
VCG	Xây dựng	25.0	0.0%	0.9	480	0.1	1,567	16.0	1.6	0.5%	10.2%
CII	Xây dựng	20.6	-4.4%	0.4	221	0.7	2,769	7.4	0.9	49.8%	12.9%
POW	Điện	8.4	-7.0%	0.6	854	2.0	1,064	7.9	0.7	12.7%	9.7%
NT2	Điện	18.1	-6.0%	0.5	226	0.3	2,560	7.1	1.3	18.4%	19.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CAV	58.00	5.45	0.05	100.00
YEG	71.40	6.89	0.04	200920.00
QCG	7.80	7.00	0.04	1.23MLN
VCF	197.90	1.49	0.02	610.00
LDG	6.50	5.01	0.02	4.33MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	-0.01	-5.71	1.58MLN	1.11MLN
VIC	-0.01	-5.11	1.90MLN	607060.00
VHM	-0.01	-4.38	1.16MLN	373600.00
BID	-0.01	-3.22	1.53MLN	192700.00
GAS	-0.01	-2.45	832050.00	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
QCG	7.80	7.00	0.04	1.23MLN
HID	3.06	6.99	0.00	1.72MLN
AMD	3.99	6.97	0.01	9.14MLN
TPC	9.14	6.90	0.00	10.00
YEG	71.40	6.89	0.04	200920.00

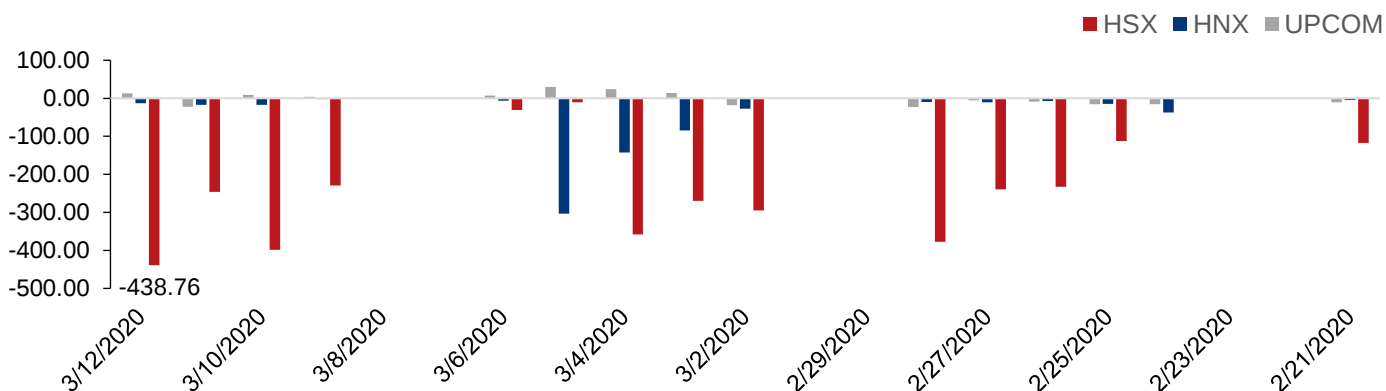
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BMI	18.60	-7.00	-0.04	134400.00
L10	13.95	-7.00	0.00	10.00
ITD	7.84	-7.00	0.00	15360.00
PMG	15.95	-7.00	-0.02	4250.00
PNJ	63.80	-7.00	-0.31	516330.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
3	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
4	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
5	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
7	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
8	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
13	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
14	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
15	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
18	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 07.2019	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 05.2019	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	100.9	5,478	18.4	6.4	Click
2	AAA	Sản xuất	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	10.1	2,736	3.7	0.6	Click
3	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	81.3	8,655	9.4	3.0	Click
4	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	25.2	6,362	4.0	0.9	Click
5	FPT	Công nghệ	Mua	21/2/2020	54.2	70.3	48.1	4,631	10.4	2.3	Click
6	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	18.4	2,109	8.7	1.3	Click
7	DGW	Bán lẻ	Mua	17/2/2020	28.0	33.9	22.0	3,897	5.6	1.0	Click
8	DHG	Y tế	Theo dõi	3/2/2020	93.0	n/a	84.9	4,668	18.2	3.3	Click
9	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	24.2	4,313	5.6	1.1	Click
10	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	63.8	5,361	11.9	3.1	Click
11	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	9.7	2,421	4.0	0.6	Click
12	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	145.0	14,782	9.8	4.0	Click
13	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	14.7	18.9	9.4	0	26.7	0.3	Click
14	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	113.4	171.4	81.3	8,655	9.4	3.0	Click
15	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	22.1	3,686	6.0	1.3	Click
16	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	10.1	2,736	3.7	0.6	Click
17	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	18.0	2,881	6.2	1.0	Click
18	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	84.5	121.0	71.7	5,004	14.3	3.1	Click
19	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	34.8	42.3	20.8	7,028	3.0	1.1	Click
20	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	48.1	4,631	10.4	2.3	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express STK 2020Q1	3/3/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 20400 ; Giá tại Publish 17800 BSC dự báo KQKD của STK với DTT và LNST đạt lần lượt 2,568.6 tỷ đồng(+15.2% YoY) và 248.4 tỷ đồng (+15.8% YoY) tương đương EPS fw là 3,513 VND/CP, PE fw là 5.1x và PB fw là 1.0x. Chúng tôi giả định (1) DTT sợi tái chế chiếm 50% trong cơ cấu doanh thu thuần (2) Kỳ vọng giá bán sợi bình quân phục hồi 2-5% do các nhà máy sợi của Trung Quốc phải đóng cửa vì dịch SAR-Covid-19 (3) BLNG cải thiện lên 16% nhờ tỉ trọng sợi tái chế tăng và chi phí nguyên vật liệu giảm.
VHC 2020Q1	21/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 35000 ; Giá tại Publish 34450 Năm 2020, BSC dự báo năm 2020 doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của VHC lần lượt đạt 8,645 tỷ (+9.9% YoY) và 956 tỷ (-18.9% YoY) (giảm lần lượt 23.0% và 38.4% doanh thu và lợi nhuận sau thuế so với dự phóng trước). EPS dự phóng 2020 đạt 5,197 VND/cp, tương đương với PE fw 2020 là 6.6. Ảnh hưởng bởi dịch bệnh nCoV khiến nhu cầu tiêu thụ tại thị trường Trung Quốc giảm. Các doanh nghiệp đẩy mạnh xuất khẩu vào Mỹ trong trường hợp thuế POR 15 chính thức là 0% (POR15 sơ bộ đang là 0%).
DRC 2020Q1	20/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 28780 ; Giá tại Publish 23300 Chúng tôi dự báo DTT và LNST của DRC năm 2020 lần lượt vào khoảng 4,453 tỷ đồng (+14% yoy) và 308 tỷ đồng (+24% yoy) tương đương EPS = 2,599 VND, P/E fwd = 11x. • Tiêu thụ sản phẩm Radial 2020 được dự báo tiếp tục tăng trưởng tốt từ các đơn hàng xuất khẩu. (1) sản lượng tiêu thụ Radial năm 2020 sẽ đạt khoảng 115% công suất tương đương 670 nghìn lốp (+35% yoy) lốp trong đó tỷ trọng nội địa và xuất khẩu lần lượt 24% và 76%; (2) giá bán lốp Radial được chúng tôi kỳ vọng sẽ không giảm hoặc tăng nhẹ.
Express AAA 2020Q1	18/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 15000 ; Giá tại Publish 12350 BSC dự báo doanh thu thuần năm 2020 của AAA đạt 9,856 tỷ (+6.7% YoY) với giả định sản lượng bao bì tiêu thụ 100,077 tấn (+5.1% YoY), tỷ lệ khai thác KCN đạt 100%. Biên LNG tăng từ 11.3% lên 11.7%, LNST dành cho cổ đông công ty mẹ đạt 511 tỷ (+9.1% YoY), tương đương EPS = 2,686 đồng/CP (giả định trích quỹ KTPL 10%), P/E fw = 4.6 lần (nếu loại trừ LN ước tính từ BDS thì P/E với mảng nhựa là 7.9 lần).
Express GTN 2020Q1	15/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu; Giá tại Publish DT và LN TT hợp nhất năm 2020 dự kiến đạt 2,909 tỷ (-2.1%) và 159 tỷ (tăng 16 lần so với 2019). Ảnh hưởng của nCoV: + Đối với VNM: xuất khẩu vào Trung Quốc vẫn chưa ảnh hưởng do xuất khẩu chính ngạch bằng đường thủy (cảng chưa bị cấm). Đồng thời, có dịch thì người dân Trung Quốc dự kiến tăng tiêu thụ các sản phẩm dinh dưỡng, tăng sức đề kháng. Tuy nhiên, sản lượng tiêu thụ bị ảnh hưởng tiêu cực bởi kênh trường học do học sinh nghỉ kéo dài. Đối với việc đảo lộn về sản xuất, VNM chỉ có tồn kho 1 tháng nên có thể thay đổi sản lượng sản xuất nhanh.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn